

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Y  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ - ST

Ngày 29/01/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH VINH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Công Tước và ông Sái Văn Trọng

Thư ký phiên tòa; Bà Kiều Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y xét xử công khai vụ án thụ lý số: 267/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Mai T, sinh năm 1965; (có mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Văn P, sinh năm 1963; (Vắng mặt).

Đều ở địa chỉ: Phòng 202, Chung cư tỉnh Đội, phường S, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 04 tháng 8 năm 2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Hà Thị Mai T trình bày: Bà và ông Vũ Văn P kết hôn tháng 12/1988, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Vĩnh Phúc). Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà chung sống được một thời gian thì bà T phát hiện ông P có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác nên vợ chồng đã thuận tình ly hôn vào năm 2002. Đến ngày 16/11/2005 vợ chồng ông, bà đăng ký kết hôn lại tại UBND phường S, thành phố Y. Đến đầu năm 2020 vợ chồng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà T do ông P tiếp tục có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác, có người phụ nữ chỉ bằng tuổi con ông, bà. Bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông P không nghe dẫn đến vợ chồng cãi nhau nhưng vẫn ở chung một nhà. Nay bà T xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 02 con chung là cháu Vũ Thị Vân Anh, sinh ngày 02/01/1990 và cháu Vũ Thị Ngọc Anh, sinh ngày 31/8/1998 hiện các

cháu đã trên 18 tuổi đã hoàn toàn tự lập và tự lo cho bản thân. Ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Ly hôn, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Văn P trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý, các giấy triệu tập, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác hợp lệ cho ông P, nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 12 tháng 10 năm 2020 ông P thừa nhận có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng nay đã chấp dứt, nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Ông xác nhận như bà T trình bày là đúng. Nếu ly hôn ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Hà Thị Mai T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Y giải quyết tranh chấp về ly hôn. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại phường S, thành phố Y theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông P theo đúng quy định nhưng ông P vẫn cố tình vắng mặt, việc ông P cố tình vắng mặt gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định.

[3] Về hôn nhân: Bà Hà Thị Mai T và ông Vũ Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhiều lần, việc ly hôn của ông bà năm 2002 cũng vì nguyên nhân ông P có ngoại tình với người phụ nữ khác, sau khi ông bà kết hôn lại và chung sống với nhau nhưng ông P vẫn không thay đổi tiếp tục có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, thể hiện ông, bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay bà T làm đơn ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Vũ Thị Vân Anh, sinh ngày 02/01/1990 và cháu Vũ Thị Ngọc Anh, sinh ngày 31/8/1998 hiện các cháu đã trên 18 tuổi đã hoàn toàn tự lập và tự lo cho bản thân. Ly hôn bà T

không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử, không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Y về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông P.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Hà Thị Mai T được ly hôn với ông Vũ Văn P.

2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Hà Thị Mai T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2017/0007078 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Y. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Hà Thị Mai T có quyền kháng cáo bản án Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tp Y;
- Chi cục THADS thành phố Y;
- Các đương sự trong vụ án;
- Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc (ĐKKH năm 2005);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Văn Tiến**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Công Tước Sái Văn Trọng**

**Đào Văn Tiến**





